

**HUYỆN ỦY ĐẠM RÔNG
BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN
KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đam Rông, ngày 22 tháng 10 năm 2021

*
Số 01 /KH-BCĐ

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các xã Đạ Tông,
Đạ M'Rông và xã Đạ Long giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 247-QĐ/HU ngày 16/7/2021 của Ban thường vụ Huyện ủy “Thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M'Rông giai đoạn 2021 - 2025”;

Ban chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M'Rông giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Ban chỉ đạo) xây dựng kế hoạch công tác như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực để “xóa bỏ phong tục lạc hậu”, đẩy mạnh thay đổi tư duy, cách làm trong vùng đồng bào dân tộc nhằm xây dựng địa phương sớm đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chỉ đạo, phối hợp thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị, trọng tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; đề xuất ưu tiên, lồng ghép nguồn lực đầu tư cho xã Đạ Long, Đạ Tông, Đạ M'Rông phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc nhằm rút ngắn khoảng cách về phát triển với các xã trong huyện.

- Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả. Định kỳ sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ban chỉ đạo, từng thành viên Ban chỉ đạo; năng lực lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã trong xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Quan tâm đúng mức đến công tác phổ biến, vận động tuyên truyền với nhiều hình thức thiết thực, sinh động để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, lan tỏa trong đồng bào dân tộc thiểu số bằng những mô hình khu dân cư kiểu mẫu và mô hình sản xuất hiệu quả.

II. Nội dung thực hiện

1. Mục tiêu

- Tập trung tuyên truyền, vận động xóa bỏ phong tục lạc hậu trong sinh hoạt, sản xuất, như: xóa bỏ tư tưởng trông chờ ỷ lại, xóa bỏ việc chăn nuôi thả rông (vào cuối năm 2022)...; vận động cải tạo, sử dụng hiệu quả diện tích đất vườn hộ, diện tích đất xung quanh nhà gắn với việc lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ xây dựng mô hình vườn hộ kiểu mẫu (Hàng năm, mỗi thôn xây dựng, hình thành ít nhất 01 mô hình vườn hộ kiểu mẫu).

- Giảm hộ nghèo trung bình từ 8 - 10%/năm (theo tiêu chí mới). Phân đầu xã Đạ Tông (cuối năm 2022, đạt chuẩn nông thôn mới), xã Đạ M'Rông (cuối năm 2023, đạt chuẩn nông thôn mới) và xã Đạ Long (cuối năm 2024, đạt chuẩn nông thôn mới).

- Đôn đốc, hướng dẫn, vận động áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất lúa, cà phê và chuyển đổi diện tích lúa 01 vụ, diện tích trồng bắp kém hiệu quả sang trồng dâu nuôi tằm, xen canh cây ăn quả (chôm chôm, bơ, sầu riêng, mít...) trên diện tích cà phê; phục hồi đàn heo đen, phát triển đàn bò lai sind và nuôi trồng thủy sản.

Phân đầu đến năm 2025, năng suất lúa đạt trên 60 tạ/ha và cà phê đạt trên 2,5 tấn/ha, trồng mới trên 200 ha dâu tằm (Đạ Tông: 120 ha, Đạ M'Rông 50 ha, Đạ Long 30 ha), dứa 30 - 50 ha (trồng trên đất dốc hoặc chuyển đổi từ diện tích trồng điều già cỗi, kém hiệu quả); nuôi cá nước lạnh trên 30 ha (kêu gọi, thu hút đầu tư), đàn bò đạt 4.500 con và đàn heo trên 10.000 con (trong đó heo đen trên 5.000 con). Trồng rừng 30a (chu kỳ II) 500 ha (diện tích trồng 30a chu kỳ I: xã Đạ Tông 960 ha, xã Đạ Long 282 ha, xã Đạ M'Rông 603 ha) và khôi phục rừng (Đề án 1836) 530 ha, trong đó: xã Đạ Long 290 ha, Đạ M'Rông 120 ha, Đạ Tông 120 ha.

- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 619 căn nhà, trong đó hỗ trợ xây dựng mới 235 căn nhà (xã Đạ Tông: 157 căn, Đạ M'Rông: 40 căn, Đạ Long: 38 căn).

- Có trên 50 % số thôn đạt khu dân cư tiêu biểu, trong đó có 30% khu dân cư kiểu mẫu.

- Mỗi năm giải quyết việc làm mới cho trên 10% lao động nông thôn; xuất khẩu từ 3 - 5 lao động/xã.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

a) Phát triển kinh tế

- Đôn đốc, tuyên truyền vận động Nhân dân, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thay đổi tập quán, không chăn nuôi thả rông (*chăn nuôi gia súc, gia cầm trong hàng rào*); khai thác, sử dụng hiệu quả diện tích đất vườn nhà; chuyển đổi diện tích đất ven sông, suối (*trồng bắp, lúa 01 vụ, cà phê kém hiệu quả*) sang trồng dâu nuôi tằm theo hướng liên thửa, tập trung.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo, Đề án phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Quan tâm đúng mức đến công tác hướng dẫn kỹ năng sản xuất với hình thức phù hợp để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi gắn với xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả (*như trồng dâu nuôi tằm hoặc trồng dâu bán lá, mô hình chăn nuôi...*), hỗ trợ tạo điều kiện hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết trong sản xuất, sản phẩm OCOP để tạo động lực đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững.

- Chỉ đạo rà soát diện tích rừng trồng 30a sau khai thác để có kế hoạch vận động, tuyên truyền trồng rừng theo hướng tập trung, với loài cây lâm nghiệp thích hợp, cho hiệu quả kinh tế (như dổi xanh, ...); đồng thời tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ rừng khu vực 3 xã $\geq 74,3\%$, chủ động phòng chống cháy rừng. Triển khai có hiệu quả Đề án 1836 (*Đề án khôi phục và phát triển rừng*), Kế hoạch trồng 4,4 triệu cây xanh và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

b) Phát triển văn hóa, xã hội

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ việc rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025.

- Chỉ đạo, đôn đốc tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục, chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030.

- Xây dựng mô hình điểm (03 mô hình/03 xã) về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào bản địa.

3. Giải pháp thực hiện

- Ưu tiên, lồng ghép nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ dân trí, giảm nghèo nhanh, bền vững. Trước hết tập trung vận động, tuyên truyền, khuyến nông, trình diễn và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả để đồng bào thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm, tiết kiệm trong sinh hoạt nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế gia đình.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, dự án đầu tư hỗ trợ sản xuất trên địa bàn như hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo, xây dựng nông thôn mới, giáo dục và đào tạo...để bảo đảm giảm nghèo nhanh, bền vững.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là những chính sách thiết thân để đồng bào hiểu rõ và tự giác thực hiện. Đồng thời tiếp tục củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước với những hình thức

thiết thực, cụ thể và phát huy tốt vai trò của Già làng, người có uy tín, tổ dân vận ở cơ sở để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, tạo chuyển biến rõ rệt về sản xuất, đời sống vật chất tinh thần của đồng bào.

- Chỉ đạo, đôn đốc phát triển tín dụng xã hội và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. Đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện thu hút đầu tư vào các lĩnh vực như: cho thuê môi trường rừng phát triển du lịch sinh thái, khai thác vật liệu xây dựng, phát triển sản xuất...để tạo thêm việc làm, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Chỉ đạo, đôn đốc việc phân công các cơ quan chuyên môn, đảng viên và công chức phụ trách, theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ hội viên, đoàn viên khó khăn trong việc phát triển sinh kế, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đảng ủy, UBND xã: Đạ Tông, Đạ M'Rông và xã Đạ M'Rông nghiên cứu, quán triệt nội dung Kế hoạch này để rà soát, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trên địa bàn bảo đảm sát hợp, khả thi. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, phân công và giao việc cụ thể cho từng đoàn thể, bộ phận, đảng viên, công chức...gắn với việc phát động phong trào thi đua lao động, sản xuất...trong Nhân dân, lồng ghép tốt các nguồn lực để thúc đẩy, hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Tổ Trưởng các tổ công tác của Ban chỉ đạo căn cứ kế hoạch này; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đồng thời xây dựng kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên để tổ chức, phối hợp thực hiện nhiệm vụ, tuyên truyền vận động Nhân dân thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm để từng bước nâng cao thu nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực 3 xã Đầm Ròn.

3. Các thành viên Ban chỉ đạo căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tham mưu Ban chỉ đạo lồng ghép các nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân khu vực 3 xã Đầm Ròn để sớm hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ đề ra *chữ*

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy,
- TT.HĐND huyện,
- Các thành viên BCD,
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban của huyện,
- Đảng ủy, UBND các xã: Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M'Rông,
- TTNN huyện,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy. *chữ*

**PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY,
CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**

Kiểm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Trương Hữu Đồng

Phụ lục 01: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG CHỦ LỰC KHU VỰC 3 XÃ ĐÀM RÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-BCĐ ngày 22/10/2021 của Ban chỉ đạo phát triển KT, VH, XH các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M'Rông)

| TT | Tên xã | Loại cây trồng chủ lực | Hiện trạng cuối năm 2020 (ha) | | Phân kỳ hàng năm | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|----|----------------|---------------------------|----------------------------------|---------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|------------|
| | | | | | Năm 2021 | | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | | | | |
| | | | | | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | Diện tích (ha) | Năng suất (Tạ/ha) | |
| 1 | Tổng cộng | | | 1.493,7 | | 1.493,7 | | 1.493,7 | | 1.493,7 | | 1.493,7 | | 1.493,7 | | | |
| | Xã Đạ M'Rông | | | 370,0 | 49,2 | 370,0 | 51 | 359,0 | 53 | 354 | 55 | 349 | 60 | 346 | 62 | | |
| | | | | 545,0 | 52,0 | 545,0 | 49,0 | 524,5 | 50 | 509,5 | 51 | 499,5 | 51 | 492,5 | 52 | | |
| | | | | 392,0 | 180,0 | 410,0 | 180,0 | 410,0 | 198 | 410 | 220 | 410 | 244 | 410 | 271 | | |
| | | | | 43,5 | 180,0 | 50,7 | 180,0 | 75 | 198 | 95 | 218 | 110 | 180 | 120 | 180 | | |
| | | | | 65,0 | 7,0 | 65,0 | 7,0 | 60 | 7 | 58 | 7 | 55 | 7 | 55 | 7 | | |
| | | | | 3,0 | 300,0 | 3,0 | 300,0 | 8 | 310 | 10 | 315 | 16 | 315 | 21 | 315 | | |
| | Cây trồng khác | | | 75,2 | | 50,0 | | 57,2 | | 57,2 | | 54,2 | | 49,2 | | | |
| 2 | Tổng cộng | | | 2.075,5 | | 2.075,5 | | 2.075,5 | | 2.075,5 | | 2.075,5 | | 2.075,5 | | | |
| | Xã Đạ Tông | | | 665,0 | 37,0 | 665,0 | 41,0 | 665,0 | 45 | 665,0 | 50 | 665,0 | 55 | 665,0 | 60 | | |
| | | | | 420,0 | 39,0 | 420,0 | 52,0 | 400,0 | 59 | 400,0 | 60 | 380 | 61 | 380,0 | 63 | | |
| | | | | 427,1 | 220,0 | 427,1 | 220,0 | 425,3 | 221 | 423,0 | 221 | 422,0 | 245 | 422,0 | 272 | | |
| | | | | 26,8 | 180,0 | 26,8 | 180,0 | 77,4 | 198 | 90 | 218 | 120 | 240 | 140,0 | 240 | | |
| | | | | 82,1 | 7,0 | 82,1 | 7,0 | 75 | 7 | 73 | 7 | 70 | 7 | 68,0 | 7 | | |
| | | | | 4,0 | 300,0 | 4,0 | 300,0 | 9 | 310 | 12 | 315 | 15 | 315 | 17 | 315 | | |
| | Cây trồng khác | | | 450,5 | | 450,5 | | 423,8 | | 412,5 | | 403,5 | | 383,5 | | | |

| 3 | Tổng cộng | | 1.015,8 | | 1.015,8 | | 1.015,8 | | 1.015,8 | | 1.015,8 | | 1.015,8 | | 1.015,8 | |
|---|------------|--|----------------|--|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|--|
| | Xã Hạ Long | | Lúa | | 49,0 | 230,0 | 49,0 | 230,0 | 52 | 230,0 | 55 | 230,0 | 57 | 230,0 | 60 | |
| | | | Ngô | | 52,0 | 95,0 | 52,0 | 94,1 | 59 | 94,1 | 60 | 93,0 | 61 | 92,0 | 63 | |
| | | | Cà phê | | 19,3 | 410,0 | 19,3 | 410,0 | 22 | 410,0 | 23 | 410,0 | 26 | 404,0 | 27 | |
| | | | Dầu tằm | | 180,0 | 8,8 | 180,0 | 15,7 | 198 | 18,7 | 200 | 25,6 | 200 | 38,8 | 200 | |
| | | | Điều | | 7,0 | 44,0 | 7,0 | 42 | 7 | 41,0 | 7 | 40 | 7 | 38,0 | 7 | |
| | | | Dừa | | | | | 5 | 300 | 7 | 310 | 10 | 310 | 15 | 315 | |
| | | | Cây trồng khác | | | 228,0 | | 219 | | 215 | | 207,2 | | 198 | | |
| | Tổng 3 xã | | | | | 4.585,0 | | 4.585,0 | | 4.585,0 | | 4.585,0 | | 4.585,0 | | |

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÀN VẬT NUÔI KHU VỰC 3 XÃ ĐÀM RÒN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 01 /KH-BCĐ ngày 22 / 04/2021 của Ban chỉ đạo phát triển KT, VH, XH các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M'Rông)

| TT | Tên xã | Loại vật nuôi | Đơn vị tính | Hiện trạng cuối năm 2020 | Phân kỳ hàng năm | | | | | Ghi chú |
|----|--------------|---------------|-------------|--------------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|---------|
| | | | | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | |
| 1 | Tổng cộng | | | 4.265 | 4.502 | 4.898 | 5.282 | 5.702 | 6.614 | |
| | Xã Đạ M'Rông | Trâu | Con | 2 | 2 | 5 | 6 | 6 | 7 | |
| | | Bò | Con | 1.209 | 1.219 | 1.304 | 1.396 | 1.493 | 1.598 | |
| | | Heo | Con | 300 | 500 | 600 | 660 | 726 | 1.241 | |
| | | Dê | Con | 3 | 30 | 45 | 68 | 101 | 152 | |
| | | Gia cầm | Con | 2.751 | 2.751 | 2.944 | 3.150 | 3.370 | 3.606 | |
| | | Nuôi cá tầm | Ha | 0,2 | 0,3 | 1,0 | 3,0 | 5 | 10 | |
| 2 | Tổng cộng | | | 15.942 | 16.023 | 17.649 | 19.741 | 22.579 | 26.636 | |
| | Xã Đạ Tông | Trâu | Con | 11 | 11 | 12 | 13 | 13 | 14 | |
| | | Bò | Con | 2.240 | 2.245 | 2.402 | 2.570 | 2.750 | 2.943 | |
| | | Heo | Con | 724 | 800 | 1.360 | 2.312 | 3.930 | 6.682 | |
| | | Dê | Con | | | - | - | - | - | |
| | | Gia cầm | Con | 12.967 | 12.967 | 13.875 | 14.846 | 15.885 | 16.997 | |
| | | Nuôi cá tầm | Ha | 1,10 | 1,10 | 3 | 7 | 9 | 12 | |

| 3 | Tổng cộng | | | 3.367 | 3.480 | 3.886 | 4.426 | 5.192 | 6.332 | |
|---|------------|--|-----|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--|
| | Xã Đà Long | | Con | | | 5 | 5 | 7 | 10 | |
| | | | Con | 515 | 515 | 551 | 590 | 631 | 675 | |
| | | | Con | 158 | 250 | 425 | 723 | 1.228 | 2.088 | |
| | | | Con | 25 | 46 | 49 | 53 | 56 | 60 | |
| | | | Con | 2.669 | 2.669 | 2.856 | 3.056 | 3.270 | 3.499 | |
| | | | Ha | | | 0,5 | 2 | 5,0 | 8 | |
| | Tổng 3 xã | | | 23.574 | 24.005 | 26.433 | 29.448 | 33.473 | 39.582 | |



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HUYỆN ỦY ĐÀM RỒNG
BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN KT, VH, XH
CÁC XÃ ĐẠ TÔNG, ĐẠ LÔNG VÀ ĐẠ M' RÔNG

Phụ lục 03: KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG, KHÔI PHỤC RỪNG KHU VỰC 3 XÃ ĐÀM RỒN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số **01** /KH-BCĐ ngày **22/10/2021** của Ban chỉ đạo phát triển KT, VH, XH các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M' Rông)

| TT | Địa bàn xã | Tổng diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp (ha) | Thời gian thực hiện | | | | | | | | | | | | Tổng giai đoạn 2020-2025 (ha) | | | | | |
|-----------|---------------|--|---------------------|--------------------------------------|--|---------------------|--------------------------------------|--|---------------------|--------------------------------------|--|---------------------|--------------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------------------|--|------|------|---------|
| | | | Năm 2021 | | | Năm 2022 | | | Năm 2023 | | | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | | | |
| | | | Trồng rừng 30a (ha) | Diện tích trồng theo Đề án 1836 (ha) | Số lượng cây xanh theo KH trồng 4,4 triệu cây xanh (cây) | Trồng rừng 30a (ha) | Diện tích trồng theo Đề án 1836 (ha) | Số lượng cây xanh theo KH trồng 4,4 triệu cây xanh (cây) | Trồng rừng 30a (ha) | Diện tích trồng theo Đề án 1836 (ha) | Số lượng cây xanh theo KH trồng 4,4 triệu cây xanh (cây) | Trồng rừng 30a (ha) | Diện tích trồng theo Đề án 1836 (ha) | Số lượng cây xanh theo KH trồng 4,4 triệu cây xanh (cây) | Trồng rừng 30a (ha) | Diện tích trồng theo Đề án 1836 (ha) | Số lượng cây xanh theo KH trồng 4,4 triệu cây xanh (cây) | | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] | [7] | [8] | [9] | [10] | [11] | [12] | [13] | [14] | [15] | [16] | [17] | [18] | [19] | [20] | [21] |
| 1 | Xã Đạ Long | 847 | | 30 | 23.343 | 40 | 50 | 40.000 | 40 | 70 | 50.000 | 40 | 70 | 50.000 | 40 | 70 | 36.657 | 160 | 290 | 200.000 |
| 2 | Xã Đạ Tông | 343 | | 20 | 20.336 | 50 | 24 | 99.916 | 50 | 28 | 104.916 | 50 | 24 | 110.916 | 50 | 24 | 94.916 | 200 | 120 | 431.000 |
| 3 | Xã Đạ M' Rông | 306 | | 15 | 14.545 | 50 | 20 | 50.113 | 50 | 30 | 65.114 | 50 | 31 | 70.000 | 50 | 24 | 60.228 | 200 | 120 | 260.000 |
| Tổng cộng | | 1.496 | - | 65 | 58.224 | 140 | 94 | 190.029 | 140 | 128 | 220.030 | 140 | 125 | 230.916 | 140 | 118 | 191.801 | 560 | 530 | 891.000 |

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PHẦN 1. KHÁI QUÁT

| TT | Tên xã | Đơn vị tính | Phân kỳ hàng năm | | | | | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------|------------------|----------|----------|----------|----------|---------|
| | | | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | |
| 1 | Tổng cộng | | 0 | 6 | 12 | 18 | 24 | |
| | Xã Đà M' Rông | Tu La | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Đa La | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Đa Xế | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Liêng Krắc 1 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Liêng Krắc 2 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Đa Té | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| 2 | Tổng cộng | | 0 | 8 | 16 | 24 | 32 | |
| | Xã Đà Tông | Đa Ninh 1 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Đa Ninh 2 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Mê Ka | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | N' Tôl | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Liêng Trang 1 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Liêng Trang 2 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| 3 | Chiêng Cao Cùl Múp | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | | |
| | Đa Kao 2 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | | |
| | Tổng cộng | | 0 | 4 | 8 | 12 | 16 | |
| | Xã Đà Long | Thôn 1 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Thôn 2 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Thôn 3 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | | Thôn 4 | MH | 1 | 2 | 3 | 4 | |
| | Tổng 3 xã | | 0 | 18 | 36 | 54 | 72 | |

